

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/ DSST
Ngày 28 - 7 - 2023
“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Văn Bích

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Thịnh
2. Ông Đường Ngọc Đại

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Hiền – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên toà: Ông Triệu Minh Hà – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2023 /TLST-DS ngày 16 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST - DS ngày 15 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị P, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 8, phường H, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

Bị đơn: Ông Nguyễn Doãn Đ, sinh năm 1976 (có mặt)

Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1976 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 7, phường H, Tp. Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 01 năm 2023 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án: Nguyên đơn bà Bùi Thị P trình bày:

Năm 2017 bà đã cho ông Nguyễn Doãn Đ và bà Đỗ Thị H vay số tiền là 300.000.000 VND (bằng chữ: Ba trăm triệu đồng) bằng 02 lần vay tiền cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 14/6/2017 bà cho bà H, ông Đ vay số tiền 200.000.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng) theo “Giấy vay nợ” ngày 14/6/2017. Lãi suất do hai bên thỏa thuận với nhau là 2,5%/tháng. Hai bên không thỏa thuận về thời hạn trả nợ mà chỉ thỏa thuận khi nào bà P cần tiền thì báo trước 01 tháng để vợ chồng bà H, ông Đ hoàn trả tiền. Hai bên cùng nhau viết giấy vay nợ và vợ chồng bà H, ông Đ ký tên vào giấy vay nợ. Ngay sau khi vợ chồng bà H, ông Đ ký xong “Giấy vay nợ”, bà đã hoàn thành việc giao cho vợ chồng bà Đỗ Thị H, ông Nguyễn Doãn Đ số tiền là 200.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng).

Lần 2: Ngày 11/12/2017 bà cho bà H, ông Đ vay số tiền 100.000.000 VND (Bằng chữ: Một trăm triệu đồng) theo “Giấy vay nợ” ngày 11/12/2017. Trên giấy vay nợ không ghi lãi suất nhưng hai bên có thỏa thuận lãi suất là 2,5%/ tháng. Hai bên không thỏa thuận về thời hạn trả mà chỉ ghi trên giấy vay nợ là khi nào bà P cần tiền thì báo trước 10 ngày để vợ chồng bà H, ông Đ hoàn trả tiền. Hai bên cùng nhau viết giấy vay nợ và ông Đ ký tên vào giấy vay nợ, bà H và bà P không ký vào giấy này. Ngay sau khi ông Đ ký kết xong “Giấy vay nợ”, bà đã hoàn thành việc giao cho vợ chồng ông Nguyễn Doãn Đ, bà Đỗ Thị H số tiền là 100.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm triệu đồng).

Bà H, ông Đ trả lãi được một vài tháng theo thỏa thuận còn lại thì không trả. Cụ thể bà H, ông Đ đã trả được bao nhiêu tiền lãi bà không nhớ. Nhưng từ tháng 1/2019 đến nay thì không trả được lãi. Do cần tiền nên tháng 2 năm 2020 bà gửi thông báo đòi tiền cho ông Đ, bà H nhưng ông Đ bà H mới trả được 70.000.000 đồng tiền gốc, lần cuối cùng bà H, ông Đ trả tiền gốc cho bà là vào tháng 7/2020. Từ đó đến nay ông Đ bà H không trả gốc cũng như trả lãi cho bà.

Nay bà đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Doãn Đ, bà Đỗ Thị H thanh toán cho bà số tiền nợ gốc là 230.000.000 đồng (hai trăm ba mươi triệu đồng) và bà P không yêu cầu ông Nguyễn Doãn Đ và bà Đỗ Thị H phải trả lãi trên số tiền gốc đã vay cho bà.

Bị đơn ông Nguyễn Doãn Đ trình bày:

Do có nhu cầu cần tiền để làm kinh tế nên ngày 14/6/2017 ông có ký giấy vay nợ với bà Bùi Thị P, theo giấy vay nợ thì ông và vợ là bà Đỗ Thị H có vay của bà Bùi Thị P số tiền là 200.000.000 đồng với lãi suất 2,5%/tháng. Hai bên thống nhất khi nào bà P cần báo trước 01 tháng thì ông bà sẽ hoàn trả tiền. Còn tiền lãi thì trả hàng tháng và ký vào giấy vay nợ này.

Đến ngày 11/12/2017 do cần tiền nên ông tiếp tục vay của bà P 100.000.000 đồng, ông có viết giấy vay nợ cho bà P. Trên giấy vay nợ thể hiện ông và vợ là bà Đỗ Thị H vay của bà P 100.000.000 đồng, khi nào cần báo trước 10 ngày thì ông bà hoàn trả. Giấy vay nợ không thể hiện lãi suất nhưng thực tế hai

bên thỏa thuận là 2,5%/tháng, giấy vay nợ này chỉ có mình ông ký vì ông là người trực tiếp gặp và vay tiền của bà P.

Đến tháng 2/2020 thì bà P gửi thông báo đòi nợ cho vợ chồng ông, nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên vợ chồng ông vẫn chưa trả được nợ cho bà P. Do làm ăn thua lỗ nên ông mới trả được tiền gốc cho bà P là 70.000.000đồng và một phần tiền lãi. Lần gần nhất ông trả được tiền gốc cho bà P là 10.000.000đồng vào tháng 7/2020.

Về tiền lãi thỉnh thoảng ông mới trả được cho bà P, cụ thể đã trả được bao nhiêu tiền lãi cho bà P thì ông cũng như bà H vợ ông không nhớ. Tính đến thời điểm hiện tại ông và bà H còn nợ bà P là 230.000.000đồng tiền gốc.

Nay bà P khởi kiện yêu cầu ông và bà H trả cho bà P 230.000.000đồng tiền gốc, bà P không yêu phải trả tiền lãi. Ông Đ đồng ý trả số tiền gốc này cho bà P, nhưng hiện nay kinh tế ông gặp khó khăn nên ông xin trả dần cho bà P.

Về lãi suất ông phải trả theo thỏa thuận là 2,5% /tháng = 30%/năm, ông mới trả được mấy tháng tiền lãi cho bà P, cụ thể đã trả được bao nhiêu tiền lãi ông không nhớ, mức lãi suất 30%/năm này vượt quá mức lãi suất tối đa theo quy định là 20%/năm. Số tiền lãi ông và bà H đã trả cho bà P không nhiều. Nay bà P không yêu cầu ông phải trả lãi cho bà P nên ông không có ý kiến gì về số tiền lãi đã trả vượt quy định pháp luật cho bà P. Ông không yêu cầu bà P phải khấu trừ phần tiền lãi vượt này theo quy định pháp luật. Ông không đề nghị Tòa án giải quyết phần tiền lãi vượt này.

Bị đơn bà Đỗ Thị H trình bày:

Do có nhu cầu cần tiền để làm kinh tế nên ngày 14/6/2017 vợ chồng bà có ký giấy vay nợ với bà Bùi Thị P, theo giấy vay nợ thì bà và chồng là ông Nguyễn Doãn Đ có vay của bà Bùi Thị P số tiền là 200.000.000đồng với lãi suất 2,5%/tháng. Hai bên thống nhất khi nào bà P cần báo trước 01 tháng thì sẽ hoàn trả tiền. Còn tiền lãi thì trả hàng tháng. Chữ ký trên giấy vay tiền mang tên Đ là của chồng bà, còn chữ ký của bà là Đỗ Thị H thì không phải là của bà đây là chữ ký của ai bà không biết. Chồng bà là người trực tiếp nhận tiền từ bà P. Bà hỏi vay tiền thì bà P mới cho vay vì bà cùng công tác với bà P.

Đến ngày 11/12/2017 do cần tiền nên vợ chồng bà tiếp tục vay của bà P 100.000.000đồng, chồng bà có viết giấy vay nợ cho bà P. Trên giấy vay nợ thể hiện bà và chồng là Nguyễn Doãn Đ vay của bà P 100.000.000đồng, khi nào cần báo trước 10 ngày thì sẽ hoàn trả. Giấy vay nợ không thể hiện lãi suất nhưng thực tế hai bên thỏa thuận trả lãi suất cho bà P là 2,5%/tháng. Giấy vay nợ này chỉ có mình chồng bà là ông Đ ký nhận vì chồng bà là người trực tiếp gặp và vay tiền của bà P.

Đến tháng 2/2020 thì bà P gửi thông báo đòi nợ cho vợ chồng bà nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên vợ chồng bà vẫn chưa trả được nợ cho bà P. Do

làm ăn thua lỗ nên bà mới trả được tiền gốc cho bà P là 70.000.000đồng và một phần tiền lãi. Lần gần nhất bà trả được tiền gốc cho bà P là 10.000.000đồng vào tháng 7/2020. Tính đến thời điểm hiện tại bà còn nợ bà P là 230.000.000đồng tiền gốc. Nay bà P khởi kiện yêu cầu bà và ông Đ trả cho bà P 230.000.000đồng tiền gốc mà không yêu cầu tính lãi, bà đồng ý cùng với ông Đ trả số tiền gốc này cho bà P. Nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên bà đề nghị trả dần cho bà P. Về số tiền lãi đã trả và lãi suất bà đồng ý với quan điểm trình bày của ông Nguyễn Doãn Đ, nay không đề nghị xem xét giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách của người tham gia tố tụng, thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và bảo đảm thời hạn chuẩn bị xét xử cũng như chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu.

Về giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 274; Điều 275; Điều 280; Điều 288; Điều 463; Điều 357; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị P. Buộc ông Nguyễn Doãn Đ và bà Đỗ Thị H phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Bùi Thị P số tiền vay còn lại là 230.000.000 đồng nợ gốc.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Doãn Đ và bà Đỗ Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật tương ứng với số tiền ông Đ và bà H phải thanh toán cho bà P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã Đ xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn cư trú tại phường H, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung của vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị P. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Bùi Thị P, ông Nguyễn Doãn Đ và bà Đỗ Thị H đều thống nhất trình bày: Vào ngày 14/6/2017, ông Đ và bà H có vay của

bà P số tiền là 200.000.000đồng, khi nào bà P cần báo trước 01 tháng; đến ngày 11/12/2017 ông Đ và bà H tiếp tục vay của bà P số tiền 100.000.000đồng, khi nào bà P cần báo trước 10 ngày. Đến tháng 02/2020 bà P cần tiền báo ông Đ, bà H trả nợ, nhưng ông Đ và bà H mới trả được cho bà P số tiền gốc là 70.000.000đồng như đã thỏa thuận. Nay ông Đ, bà H xác nhận còn nợ bà P số tiền gốc là 230.000.000đồng, và đồng ý trả cho bà P số tiền trên. Đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên do hoàn cảnh kinh tế gặp khó khăn nên ông Đ, bà H xin trả dần cho bà P.

Từ đó, có cơ sở xác định, hiện nay ông Nguyễn Doãn Đ và bà Đỗ Thị H còn nợ bà Bùi Thị P số tiền 230.000.000đồng là đúng sự thật. Căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nguyên đơn bà Bùi Thị P khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Doãn Đ và bà Đỗ Thị H trả nợ vay là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về khoản tiền lãi ông Đ, bà H đã trả cho bà P và lãi suất cho vay tại các Giấy vay nợ: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà P không yêu cầu tính lãi; bị đơn ông Đ và bà H không yêu cầu tính lãi suất vượt quá quy định đối với số tiền lãi ông Đ và bà H đã trả cho bà P nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà P Đ chấp nhận nên căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án thì bà P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và Đ hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn ông Đ và bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với tổng số phải thanh toán là 230.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 278; Điều 280; Điều 288; Điều 357; Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị P.

Xử: Buộc ông Nguyễn Doãn Đ và bà Bùi Thị H có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Bùi Thị P số tiền gốc là 230.000.000đồng.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Bùi Thị P cho đến khi thi hành án xong, nếu ông Nguyễn Doãn Đ và bà Bùi Thị H không trả khoản tiền trên thì ông Đ và bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo

mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Doãn Đ và bà Bùi Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.500.000 đồng (mười một triệu năm trăm nghìn đồng). Hoàn trả cho bà Bùi Thị P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.300.000 đồng (chín triệu ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006974 ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án Đ thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Phúc Yên;
- Chi cục THADA TP Phúc Yên;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Bích